

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 05/2015/QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày 29 tháng 01 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy chế Thi đua, Khen thưởng

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Thi đua, Khen thưởng ngày 26/11/2003, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng ngày 14/6/2005 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng ngày 16/11/2013;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 42/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng; số 39/2012/NĐ-CP ngày 27/4/2012 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng; số 65/2014/NĐ-CP ngày 01/7/2014 quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 145/2013/NĐ-CP ngày 29/10/2013 của Chính phủ quy định về tổ chức ngày kỷ niệm; nghi thức trao tặng, đón nhận hình thức khen thưởng, danh hiệu thi đua; nghi lễ đối ngoại và đón, tiếp khách nước ngoài;

Căn cứ Thông tư số 07/2014/TT-BNV ngày 29/8/2014 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng; Nghị định số 39/2012/NĐ-CP ngày 27/4/2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 42/2010/NĐ-CP của Chính phủ và Nghị định số 65/2014/NĐ-CP ngày 01/7/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng năm 2013;

Căn cứ Thông tư số 71/2011/TT-BTC ngày 24/5/2011 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc trích lập, quản lý và sử dụng Quỹ Thi đua, Khen thưởng theo Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 109/TTr-SNV ngày 29/12/2014 và kết quả thẩm định văn bản quy phạm pháp luật của Giám đốc Sở Tư pháp tại Báo cáo số 227/BC-STP ngày 25/12/2014,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế Thi đua, Khen thưởng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 21/2011/QĐ-UBND ngày 04/10/2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy chế Thi đua, Khen thưởng.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nội vụ; Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh; Thành viên Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban ngành; Mặt trận và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh; các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; các doanh nghiệp, các trường đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp thuộc khối thi đua của tỉnh căn cứ Quyết định thi hành./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
Lê Viết Chữ

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY CHẾ

Thi đua, Khen thưởng

(Ban hành kèm theo Quyết định số 05/2015/QĐ-UBND ngày 29/01/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định việc tổ chức thực hiện công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi, bao gồm: Nội dung, hình thức tổ chức phong trào thi đua; tổ chức và hoạt động của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng; Hội đồng Khoa học, sáng kiến. Đối tượng, tiêu chuẩn các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng; thẩm quyền xét, khen thưởng và đề nghị khen thưởng; tổ chức trao thưởng. Quy định về hồ sơ, thủ tục, thời gian xét khen thưởng; quỹ thi đua, khen thưởng; quyền lợi và nghĩa vụ của các tập thể, cá nhân tham gia phong trào thi đua, khen thưởng.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Tập thể, cá nhân các cơ quan, đơn vị, địa phương, tổ chức, doanh nghiệp đóng trên địa bàn tỉnh (*sau đây gọi tắt các cơ quan, đơn vị, địa phương*); nhân dân trong và ngoài tỉnh; người Việt Nam đang định cư ở nước ngoài, người nước ngoài và tổ chức nước ngoài đang công tác tại tỉnh Quảng Ngãi tham gia các phong trào thi đua của tỉnh, đạt được thành tích tiêu biểu, xuất sắc hoặc có đóng góp lớn vào sự phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Quảng Ngãi.

Điều 3. Nguyên tắc thi đua và căn cứ xét tặng các danh hiệu thi đua

1. Thực hiện nguyên tắc tự nguyện, tự giác, dân chủ, công khai, đoàn kết, hợp tác và cùng phát triển.

2. Các tập thể, cá nhân được quy định tại Điều 2 Quy chế này đều có quyền và nghĩa vụ tham gia các phong trào thi đua, đăng ký giao ước thi đua, xác định mục tiêu, chỉ tiêu thi đua. Có đăng ký giao ước thi đua thì được bình xét các danh hiệu thi đua; không đăng ký thi đua thì không xem xét, công nhận các danh hiệu thi đua.

3. Các cơ quan, đơn vị, các doanh nghiệp mới thành lập phải có thời gian hoạt động từ 01 năm (12 tháng) trở lên mới bình xét danh hiệu Tập thể Lao động tiên tiến, Đơn vị tiên tiến, Tập thể Lao động xuất sắc, Đơn vị quyết thắng.

Điều 4. Nguyên tắc khen thưởng và căn cứ xét khen thưởng

1. Khen thưởng theo công trạng và thành tích đạt được là hình thức khen thưởng cho tập thể, cá nhân đạt được thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, được xét vào dịp tổng kết năm, cấp nào quản lý lương và quản lý cán bộ thì cấp đó khen thưởng và đề nghị cấp trên khen thưởng.

2. Khen thưởng chuyên đề (theo đợt), khen thưởng đột xuất: Cấp nào phát động phong trào thi đua thì cấp đó khen thưởng (việc khen thưởng theo đợt, theo chuyên đề chỉ thực hiện khi tiến hành sơ kết, tổng kết 03 năm, 05 năm, 10 năm trở lên và theo chỉ đạo của cấp có thẩm quyền), thành tích đặc biệt xuất sắc mới đề nghị cấp trên khen thưởng; khen thưởng gương người tốt, việc tốt, có hành động dũng cảm cứu người, cứu tài sản...

3. Khen thưởng phải chính xác, công khai, dân chủ, công bằng, kịp thời. Thành tích khen thưởng phải rõ ràng, cụ thể, bảo đảm điều kiện, tiêu chuẩn quy định, mỗi hình thức khen thưởng có thể được xét tặng nhiều lần cho một đối tượng, thành tích đến đâu khen thưởng đến đó; thành tích đạt được nhiều, công lao đóng góp lớn, phạm vi ảnh hưởng rộng thì mức hạng khen thưởng cao, không nhất thiết phải khen theo trình tự từ thấp đến cao; chú trọng khen thưởng cá nhân là chiến sĩ, công nhân, nông dân, hộ gia đình; khen thưởng cho đối tượng đang thực hiện nhiệm vụ trong điều kiện khó khăn, độc hại, nguy hiểm; cho cá nhân, tập thể từ yếu kém vươn lên.

4. Những trường hợp đề nghị khen thưởng mà bị kỷ luật hoặc đang xem xét xử lý kỷ luật hoặc có đơn thư tố cáo nhưng chưa được xác minh làm rõ thì chưa xét khen thưởng (trừ đơn thư tố cáo mạo danh, nặc danh).

5. Cá nhân, tổ chức có thành tích tham gia các hoạt động nhân đạo, từ thiện, đóng góp ủng hộ các quỹ xã hội dưới hình thức tự nguyện; người Việt Nam ở nước ngoài, người nước ngoài, tập thể người nước ngoài được khen thưởng không kèm theo tiền thưởng, trường hợp cần thiết kèm theo tặng phẩm kỷ niệm (tương đương với mức thưởng đã được xác định của cấp ra quyết định khen thưởng).

6. Trong cùng một thời điểm, cùng một thành tích của một đối tượng khen thưởng nếu đạt được nhiều danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng khác nhau, thì chỉ được nhận tiền thưởng (hoặc tặng phẩm kỷ niệm kèm theo) đối với mỗi danh hiệu và hình thức khen thưởng có mức tiền thưởng cao nhất, mức chi tiền thưởng thực hiện theo quy định hiện hành.

7. Trong cùng một thời điểm, một đối tượng đạt nhiều danh hiệu thi đua, các danh hiệu đó có thời gian để đạt được thành tích khác nhau thì được nhận tiền thưởng của các danh hiệu. Trong cùng một thời điểm, một đối tượng vừa đạt danh hiệu thi đua vừa đạt hình thức khen thưởng thì được nhận tiền thưởng của danh hiệu thi đua và của cả hình thức khen thưởng.

Điều 5. Tổ chức hội thi, hội diễn, tôn vinh giải thưởng

Việc tổ chức hội thi, hội diễn, tôn vinh và đề ra các giải thưởng có liên quan đến khen thưởng và trao giải thưởng phải báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Ban Thi

đua - Khen thưởng tỉnh thuộc Sở Nội vụ); Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định khen thưởng đối với các trường hợp do Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức.

Chương II

TỔ CHỨC THI ĐUA VÀ TIÊU CHUẨN DANH HIỆU THI ĐUA

Điều 6. Hình thức tổ chức phong trào thi đua

Thi đua thường xuyên; thi đua theo chuyên đề (hoặc thi đua theo đợt) thực hiện theo quy định tại Điều 2 Thông tư số 07/2014/TT-BNV ngày 29/8/2014 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng; Nghị định số 39/2012/NĐ-CP ngày 27/4/2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 42/2010/NĐ-CP của Chính phủ và Nghị định số 65/2014/NĐ-CP ngày 01/7/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng năm 2013 (*sau đây gọi tắt là Thông tư số 07/2014/TT-BNV ngày 29/8/2014 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ*). Khi tổ chức phong trào thi đua theo chuyên đề (hoặc thi đua theo đợt) trong phạm vi các cơ quan, đơn vị, địa phương thuộc khối, cụm thi đua của tỉnh gửi kế hoạch tổ chức phong trào thi đua về Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh để theo dõi, tổng hợp.

Điều 7. Nội dung, phương pháp tổ chức phong trào thi đua

1. Nội dung thi đua phải căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao, năng lực thực tế, tính cấp bách và yêu cầu phát triển của ngành, địa phương, cơ quan, đơn vị để đề ra nội dung, biện pháp thi đua cụ thể, thiết thực, phù hợp, đảm bảo tính khoa học và đúng pháp luật quy định. Phong trào thi đua phải có chủ đề, tên gọi dễ nhớ, dễ tuyên truyền, dễ thực hiện.

2. Xác định mục tiêu, chỉ tiêu, phạm vi, đối tượng và thời gian thi đua phải trên cơ sở nhiệm vụ chính trị được cấp có thẩm quyền giao. Chỉ tiêu phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ được giao phải cao hơn, thời hạn hoàn thành phải sớm hơn. Tổ chức phát động và đăng ký giao ước thi đua giữa tập thể với tập thể, giữa cá nhân với cá nhân, gia đình với gia đình trong từng cơ quan, đơn vị, địa phương.

3. Xây dựng kế hoạch, xác định biện pháp phối hợp giữa các cấp chính quyền với Mặt trận, các tổ chức đoàn thể chính trị, chính trị - xã hội, xã hội - nghề nghiệp, các cơ quan thông tin đại chúng để tuyên truyền mục đích ý, nghĩa của đợt thi đua, phát huy tinh thần trách nhiệm, ý thức tự giác của quần chúng, đa dạng hóa các hình thức phát động thi đua đi đôi với việc đôn đốc, kiểm tra quá trình thi đua, tránh và chống mọi biểu hiện phô trương hình thức. Tiến hành sơ kết (đối với đợt thi đua dài ngày phải tổ chức sơ kết giữa đợt) và tổng kết phong trào thi đua nhằm đánh giá kết quả, rút kinh nghiệm và phổ biến những tấm gương tiêu biểu trong phong trào thi đua, khen thưởng. Chú trọng công tác chỉ đạo điểm, đôn đốc, hướng dẫn, kiểm tra. Phát hiện, xây dựng, bồi dưỡng, tuyên truyền, nhân rộng điển hình tiên tiến, nhân tố mới, cách làm hay trong phong trào thi đua cần phải nâng cao vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu.

Điều 8. Trách nhiệm tổ chức thực hiện phong trào thi đua và công tác khen thưởng

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm chỉ đạo phong trào thi đua và công tác khen thưởng của tỉnh.

2. Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh thuộc Sở Nội vụ là cơ quan Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh có trách nhiệm tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh, Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh về nội dung và tổ chức phong trào thi đua, chính sách khen thưởng trong phạm vi toàn tỉnh.

3. Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh, các cơ quan tham mưu giúp việc Tỉnh ủy, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các hội, đoàn thể tỉnh, các đơn vị kinh tế, cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh, Bí thư các huyện, Thành ủy và tương đương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, xã, phường, thị trấn chịu trách nhiệm chỉ đạo tổ chức phong trào thi đua và thực hiện công tác khen thưởng trong phạm vi ngành, địa phương thuộc quyền quản lý. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng của mỗi cơ quan, đơn vị, địa phương có trách nhiệm tham mưu, đề xuất phương pháp giúp Thủ trưởng hoặc người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, địa phương tổ chức phát động các phong trào thi đua và thực hiện chính sách khen thưởng đúng thẩm quyền và mục đích trong phạm vi cơ quan, đơn vị, địa phương thuộc quyền quản lý.

4. Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Khu kinh tế tổ chức phong trào thi đua, thực hiện công tác khen thưởng và trình cấp trên khen thưởng đối với các doanh nghiệp thuộc khu công nghiệp, khu kinh tế và các đơn vị trực thuộc.

5. Chính quyền phối hợp Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và đoàn thể các cấp tổ chức phát động thi đua, tuyên truyền mục đích ý nghĩa phong trào thi đua và vận động hội viên, đoàn viên, các tầng lớp nhân dân tham gia phong trào thi đua; giám sát việc thực hiện các quy định về thi đua, khen thưởng; xác định trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân đối với phong trào thi đua; kiến nghị đổi mới về công tác thi đua, khen thưởng.

6. Các cơ quan thông tin đại chúng trên địa bàn tỉnh có trách nhiệm thường xuyên theo dõi, tuyên truyền, cổ động phong trào thi đua; phổ biến những kinh nghiệm và nêu các gương điển hình tiên tiến, gương người tốt việc tốt, phê phán các hành vi vi phạm pháp luật về công tác thi đua, khen thưởng.

Điều 9. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng các cấp

1. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh là cơ quan tư vấn cho Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh về công tác thi đua, khen thưởng của tỉnh; nhiệm vụ, quyền hạn và thành phần của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh thực hiện theo quy định tại Điều 29 Nghị định số 65/2014/NĐ-CP ngày 01/7/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng năm 2013 (sau đây gọi tắt là Nghị định số 65/2014/NĐ-CP ngày 01/7/2014 của Chính phủ).

2. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng của cơ quan, đơn vị và địa phương

a) Hội đồng Thi đua - Khen thưởng của cơ quan, đơn vị, địa phương được thành lập để thực hiện nhiệm vụ tham mưu, tư vấn cho cấp ủy Đảng, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, địa phương về công tác thi đua, khen thưởng và do thủ trưởng, người đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa phương quyết định thành lập.

b) Căn cứ Nghị định số 65/2014/NĐ-CP ngày 01/7/2014 của Chính phủ và tình hình thực tiễn, thủ trưởng cơ quan, đơn vị, địa phương quyết định thành phần và số lượng thành viên Hội đồng Thi đua - Khen thưởng; trong đó, Thủ trưởng, người đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa phương làm Chủ tịch Hội đồng Thi đua - Khen thưởng. Đối với các huyện, thành phố phân công lãnh đạo Phòng Nội vụ làm Phó Chủ tịch Thường trực Hội đồng; các Phó Chủ tịch còn lại và thành viên do Chủ tịch Hội đồng Thi đua - Khen thưởng quyết định.

c) Hội đồng Thi đua - Khen thưởng hoạt động theo Quy chế và theo quy định của pháp luật; có nhiệm vụ, quyền hạn: Tham mưu, giúp Thủ trưởng, người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, địa phương tổ chức phong trào thi đua theo thẩm quyền; định kỳ đánh giá kết quả phong trào thi đua và công tác khen thưởng; tham mưu việc sơ kết, tổng kết công tác thi đua, khen thưởng; kiến nghị, đề xuất các chủ trương, biện pháp đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước trong từng năm và từng giai đoạn; tham mưu cho Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương kiểm tra, giám sát các phong trào thi đua và thực hiện các chủ trương, chính sách pháp luật về thi đua, khen thưởng và xét tặng các danh hiệu thi đua và các hình thức khen thưởng theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền khen thưởng.

Điều 10. Hội đồng Khoa học, sáng kiến tỉnh; Hội đồng Sáng kiến cấp cơ sở và xét duyệt sáng kiến, đề tài nghiên cứu

1. Hội đồng Khoa học, sáng kiến tỉnh

a) Hội đồng Khoa học, sáng kiến tỉnh Quảng Ngãi do Chủ tịch UBND tỉnh quyết định thành lập và quy định thành phần, số lượng thành viên, ban hành quy chế để tổ chức hoạt động. Hội đồng Khoa học, sáng kiến tỉnh gồm có Chủ tịch UBND tỉnh làm Chủ tịch Hội đồng, các Phó Chủ tịch Hội đồng và thành viên. Cơ quan Thường trực giúp việc cho Hội đồng là Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh.

b) Hội đồng có nhiệm vụ tham mưu, tư vấn Chủ tịch UBND tỉnh các biện pháp thúc đẩy hoạt động sáng kiến, giải pháp công tác, đề tài nghiên cứu trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ mang lại hiệu quả góp phần phát triển kinh tế - xã hội, củng cố quốc phòng, an ninh, nâng cao đời sống nhân dân trên địa bàn tỉnh. Xét và công nhận sáng kiến có mức độ ảnh hưởng đối với tỉnh để làm cơ sở tặng danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh, đề nghị tặng danh hiệu Chiến sĩ thi đua toàn quốc.

2. Hội đồng Sáng kiến cấp cơ sở

a) Hội đồng sáng kiến cấp cơ sở do Thủ trưởng, người đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa phương có thẩm quyền quyết định thành lập bao gồm: Chủ tịch, các Phó Chủ tịch và thành viên Hội đồng; số lượng thành viên Hội đồng từ 5 đến 7 người; thành

phần cơ cấu những thành viên có trình độ quản lý chuyên môn, kỹ thuật, có năng lực đánh giá, thẩm định các sáng kiến cải tiến hoặc các giải pháp, đề tài trong quản lý, tổ chức thực hiện nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị. Trường hợp cần thiết, mời người có chuyên môn cao có liên quan đến nội dung sáng kiến để tư vấn cho Hội đồng xét sáng kiến.

b) Hội đồng Sáng kiến cấp cơ sở có nhiệm vụ tham mưu, tư vấn Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, địa phương về các biện pháp thúc đẩy hoạt động sáng kiến thuộc phạm vi quản lý và công nhận sáng kiến có mức độ ảnh hưởng đối với việc nâng cao hiệu quả công tác, năng suất lao động, nhiệm vụ công tác, thực hiện chỉ tiêu, kế hoạch, phát triển kinh tế - xã hội, giữ vững quốc phòng, an ninh của cơ quan, đơn vị, địa phương. Hội đồng Sáng kiến cấp cơ sở thực hiện việc xét duyệt công nhận sáng kiến, giải pháp công tác, đề tài nghiên cứu khi xét tặng danh hiệu Chiến sỹ thi đua cơ sở và đề nghị cấp thẩm quyền xét tặng danh hiệu Chiến sỹ thi đua cấp tỉnh, Chiến sỹ thi đua toàn quốc.

3. Sáng kiến, giải pháp công tác, đề tài nghiên cứu trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ (*sau đây gọi tắt là sáng kiến*) của tập thể, cá nhân thuộc các cơ quan, đơn vị trong tỉnh là kết quả lao động sáng tạo, trí tuệ, đẩy nhanh tiến bộ kỹ thuật, cải cách quản lý, tổ chức sản xuất, lao động mang lại hiệu quả kinh tế xã hội, củng cố quốc phòng, an ninh, nâng cao đời sống nhân dân trên địa bàn tỉnh.

4. Việc xét, đề nghị công nhận sáng kiến cấp tỉnh hàng năm để làm cơ sở công nhận danh hiệu Chiến sỹ thi đua cấp tỉnh cho các cá nhân trên địa bàn tỉnh thuộc cơ quan, đơn vị, địa phương nào thì do người đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa phương đó tổ chức xét duyệt, phải đảm bảo yêu cầu và có chất lượng, đúng thực chất, mang tính ứng dụng, áp dụng cao trong thực tiễn và theo đúng quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng; đồng thời, nội dung sáng kiến phải được đăng tải trên Cổng Thông tin điện tử của tỉnh hoặc Cổng Thông tin thành phần của cơ quan, đơn vị, địa phương hoặc qua các hình thức khác như: Báo chí, Đài Phát thanh - Truyền hình; có các hình thức khác để phổ biến rộng rãi đến tập thể, cá nhân nghiên cứu học tập, áp dụng trước và sau khi xét duyệt, trình Ủy ban nhân dân tỉnh, đồng gửi Sở Nội vụ (Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh) tổng hợp, thẩm định và trình Hội đồng Khoa học, sáng kiến tỉnh công nhận theo quy định.

Người đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa phương phải chịu trách nhiệm trước Chủ tịch UBND tỉnh - Chủ tịch Hội đồng Khoa học, sáng kiến tỉnh đối với nội dung, chất lượng, kết quả xét duyệt sáng kiến của các cá nhân thuộc cơ quan, đơn vị thuộc quyền quản lý trước khi đề nghị Hội đồng Khoa học, sáng kiến tỉnh công nhận.

Điều 11. Các danh hiệu thi đua; đối tượng xét, tặng danh hiệu Tập thể Lao động xuất sắc, Đơn vị quyết thắng, Tập thể Lao động tiên tiến, Đơn vị tiên tiến

1. Các danh hiệu thi đua:

Thực hiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2, Điều 11 Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi

đua, Khen thưởng (sau đây gọi tắt là Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ). Đối với tập thể được tặng danh hiệu Tập thể Lao động tiên tiến; Đơn vị tiên tiến; Tập thể Lao động xuất sắc; Đơn vị quyết thắng; Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh; Cờ thi đua của Chính phủ. Đối với cá nhân được tặng danh hiệu Lao động tiên tiến; Chiến sĩ tiên tiến bao gồm cả công an xã, dân quân xã, bảo vệ dân phố; Chiến sĩ thi đua cơ sở; Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh; Chiến sĩ thi đua toàn quốc.

2. Đối tượng xét, tặng danh hiệu Tập thể Lao động xuất sắc, Đơn vị quyết thắng, Tập thể Lao động tiên tiến, Đơn vị tiên tiến

a) Đối với các đơn vị sản xuất kinh doanh: Doanh nghiệp, hợp tác xã và tương đương; các đơn vị trực thuộc như xí nghiệp, phòng, ban, phân xưởng.

b) Đối với cấp tỉnh: Phòng, ban và đơn vị tương đương thuộc các Ban Đảng, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Hội, đoàn thể và các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh và tương đương; Hạt Kiểm lâm huyện, Đội quản lý thị trường và tương đương.

c) Đối với cấp huyện: Xét tặng các phòng, ban và đơn vị tương đương, các đơn vị trực thuộc cấp huyện; tập thể cán bộ công chức Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn; lực lượng Công an xã, thị trấn (nơi không bố trí công an chính quy), Ban Bảo vệ dân phố, Ban chỉ huy Quân sự cấp xã.

d) Đối với đơn vị sự nghiệp gồm: Trường học, bệnh viện và các đơn vị trực thuộc như khoa, phòng và tương đương.

Điều 12. Danh hiệu Lao động tiên tiến, Chiến sĩ tiên tiến

Được xét tặng mỗi năm một lần; đối tượng, tiêu chuẩn thực hiện theo quy định tại khoản 6 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng năm 2013 và Điều 5 Nghị định số 65/2014/NĐ-CP ngày 01/7/2014 của Chính phủ.

Điều 13. Danh hiệu Tập thể Lao động tiên tiến, Đơn vị tiên tiến

Được xét tặng mỗi năm một lần vào dịp tổng kết năm cho các tập thể tiêu biểu, lựa chọn trong số các tập thể hoàn thành tốt nhiệm vụ, đủ tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 28 Luật Thi đua, Khen thưởng ngày 26/11/2003. Nếu có tổ chức Đảng thì phải đạt “Trong sạch vững mạnh”, tổ chức Công đoàn đạt “Công đoàn vững mạnh”; đối với đơn vị thuộc các thành phần kinh tế hoặc đơn vị sự nghiệp có thu phải hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế; thực hiện tốt chế độ, chính sách đối với người lao động và vệ sinh môi trường.

Điều 14. Danh hiệu Tập thể Lao động xuất sắc, Đơn vị quyết thắng

1. Được xét tặng mỗi năm một lần vào dịp tổng kết năm cho các tập thể tiêu biểu, được lựa chọn trong số các tập thể đạt danh hiệu Tập thể Lao động tiên tiến, Đơn vị tiên tiến đạt tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 27 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng ngày 16/11/2013. Nếu có tổ chức Đảng thì phải đạt “Trong sạch vững mạnh”, tổ chức Công đoàn đạt “Công đoàn vững mạnh”; đối với đơn vị thuộc các thành phần kinh tế hoặc đơn vị sự nghiệp có thu phải hoàn thành

nghĩa vụ nộp thuế, thực hiện tốt chế độ, chính sách đối với người lao động và vệ sinh môi trường.

2. Tỷ lệ đề nghị xét tặng danh hiệu Tập thể Lao động xuất sắc hàng năm không vượt quá 40% (riêng ngành Giáo dục và Đào tạo không vượt quá 20%) trong tổng số tập thể của đơn vị đạt danh hiệu Tập thể Lao động tiên tiến, Đơn vị tiên tiến. Nếu tính 40% mà không đủ 01 tập thể thì được trình tối đa là 01 tập thể và nếu có số dư từ 0,5 tập thể trở lên thì được trình thêm 01 tập thể; đối với ngành Giáo dục và Đào tạo, nếu tính 20% mà không đủ 01 tập thể thì được trình tối đa là 01 tập thể và nếu có số dư từ 0,5 tập thể trở lên thì được trình thêm 01 tập thể.

Điều 15. Danh hiệu Chiến sĩ thi đua cơ sở

1. Được xét tặng mỗi năm một lần vào dịp tổng kết năm công tác của cơ quan, đơn vị, địa phương; tiêu chuẩn thực hiện theo quy định tại Điều 4 Nghị định số 65/2014/NĐ-CP ngày 01/7/2014 của Chính phủ.

2. Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, địa phương quy định tỷ lệ cá nhân được xét tặng danh hiệu Chiến sĩ thi đua cơ sở phù hợp với tình hình thực tiễn nhưng tối đa không quá 15% tổng số cá nhân đạt danh hiệu Lao động tiên tiến, Chiến sĩ tiên tiến của cơ quan, đơn vị, địa phương.

Điều 16. Danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh

1. Được xét tặng hàng năm cho cá nhân có thành tích tiêu biểu xuất sắc trong số những cá nhân có 3 lần liên tục đạt danh hiệu Chiến sĩ thi đua cơ sở; sáng kiến, đề tài nghiên cứu, giải pháp công tác có hiệu quả, phạm vi ảnh hưởng đối với tỉnh và được Hội đồng Khoa học, sáng kiến tỉnh xem xét công nhận.

2. Nếu cá nhân là đảng viên, phải là đảng viên đủ tư cách hoàn thành tốt nhiệm vụ. Đối với Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng thành viên, Thủ trưởng các đơn vị thuộc các thành phần kinh tế hoặc đơn vị sự nghiệp có thu thì đơn vị nơi công tác phải hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế; thực hiện tốt chế độ, chính sách đối với người lao động và vệ sinh môi trường.

3. Tỷ lệ đề nghị xét tặng danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh hàng năm không vượt quá 20% (riêng ngành Giáo dục và Đào tạo không vượt quá 15%) trong tổng số cá nhân của đơn vị có 3 lần liên tục đạt danh hiệu Chiến sĩ thi đua cơ sở. Nếu tính 20% không đủ 01 cá nhân thì được trình tối đa là 01 cá nhân và nếu có số dư từ 0,5 cá nhân trở lên thì được trình thêm 01 cá nhân.

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định công nhận danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh.

Điều 17. Danh hiệu Chiến sĩ thi đua toàn quốc

1. Được xét tặng cho cá nhân có thành tích tiêu biểu xuất sắc trong số những cá nhân có hai lần liên tục đạt danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh; thành tích, sáng kiến, giải pháp công tác, đề tài nghiên cứu của cá nhân đó có phạm vi ảnh hưởng rộng đối với toàn quốc; nếu là đảng viên phải là đảng viên đủ tư cách hoàn thành tốt nhiệm vụ;

đối với Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Thủ trưởng đơn vị thuộc các thành phần kinh tế hoặc đơn vị sự nghiệp có thu thì đơn vị phải hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế, thực hiện tốt chế độ, chính sách đối với người lao động và vệ sinh môi trường.

2. Việc đánh giá mức độ ảnh hưởng của sáng kiến, giải pháp công tác, đề tài nghiên cứu do Hội đồng Khoa học, sáng kiến tình xem xét công nhận.

3. Danh hiệu Chiến sỹ thi đua toàn quốc được xét, đề nghị phong tặng sau năm liền kề năm đạt danh hiệu Chiến sỹ thi đua cấp tỉnh lần thứ hai. Trường hợp không được các cấp thống nhất đề nghị thì năm sau không xem xét lại.

Điều 18. Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Được xét tặng cho tập thể tiêu biểu xuất sắc trong phong trào thi đua các khối, cụm thi đua của tỉnh; các Ban Đảng, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Hội, đoàn thể và các sở, ban, ngành, các tổ chức chính trị - xã hội, Hội nghề nghiệp...; các doanh nghiệp; trường học và các huyện, thành phố, các cơ quan, đơn vị, xã, phường, thị trấn phải có phong trào thi đua thiết thực, hiệu quả tiêu biểu nhất trong phong trào thi đua theo chuyên đề do Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch UBND tỉnh phát động được đánh giá khi sơ kết, tổng kết từ 03 năm trở lên.

2. Đơn vị được xét tặng Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh phải có phong trào thi đua thiết thực, hiệu quả, đạt các tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 26 Luật Thi đua, Khen thưởng ngày 26/11/2003. Nếu có tổ chức Đảng thì phải đạt “Trong sạch vững mạnh”, tổ chức Công đoàn đạt “Công đoàn vững mạnh”; đối với đơn vị thuộc các thành phần kinh tế hoặc đơn vị sự nghiệp có thu phải hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế; thực hiện tốt chế độ, chính sách đối với người lao động và vệ sinh môi trường.

3. Đối với khen thưởng thành tích tổng kết năm, số lượng tập thể đề nghị xét tặng Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh phân bổ cho các Khối, Cụm thi đua và số lượng khen thưởng phong trào thi đua theo chuyên đề do Chủ tịch UBND tỉnh quy định.

Điều 19. Cờ thi đua của Chính phủ

1. Được xét tặng cho các cơ quan, đơn vị, địa phương dẫn đầu các Khối, Cụm thi đua do Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh tổ chức, là tập thể tiêu biểu xuất sắc nhất trong tổng số tập thể đạt tiêu chuẩn Cờ thi đua cấp tỉnh; các tập thể tiêu biểu nhất trong phong trào thi đua theo chuyên đề do Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ phát động được đánh giá khi sơ kết, tổng kết từ 05 năm trở lên, đạt tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 29, Điều 30 Luật Thi đua, Khen thưởng ngày 26/11/2003.

2. Nếu có tổ chức Đảng thì phải đạt “Trong sạch vững mạnh”, tổ chức Công đoàn phải đạt “Công đoàn vững mạnh”; đối với đơn vị thuộc các thành phần kinh tế hoặc đơn vị sự nghiệp có thu phải hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế; thực hiện tốt chế độ, chính sách đối với người lao động và vệ sinh môi trường.

3. Đối với khen thưởng theo công trạng và thành tích đạt được được xét vào dịp tổng kết năm, số lượng tập thể đề nghị xét tặng Cờ thi đua của Chính phủ không

quá 20% tổng số tập thể đạt tiêu chuẩn tặng Cờ thi đua của UBND tỉnh. Số lượng xét phong trào thi đua theo chuyên đề do Trung ương quy định.

Điều 20. Danh hiệu Gia đình văn hoá, Thôn văn hóa, Tổ dân phố văn hoá

Được xét công nhận hàng năm, thực hiện theo quy định tại Điều 29, Điều 30 Luật Thi đua, Khen thưởng ngày 26/11/2003 và quy định hiện hành của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Chương III HÌNH THỨC, ĐỐI TƯỢNG VÀ TIÊU CHUẨN KHEN THƯỞNG

Điều 21. Giấy khen

1. Giấy khen tặng cho tập thể, cá nhân gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và đạt một trong các tiêu chuẩn quy định tại khoản 42 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng ngày 16/11/2013. Cụ thể:

a) Tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc được bình xét khi sơ kết, tổng kết các phong trào thi đua (theo chuyên đề, theo đợt thi đua) thực hiện tốt nhiệm vụ trọng tâm, chương trình mục tiêu, chỉ thị, nghị quyết, một lĩnh vực công tác hoặc tổng kết chuyên đề hàng năm. Các cơ quan, đơn vị, địa phương được Ủy ban nhân dân tỉnh giao chủ trì phát động phong trào thi đua theo chuyên đề thì cơ quan, đơn vị, địa phương đó khen thưởng khi tổng kết chuyên đề hàng năm.

b) Tập thể, cá nhân lập được thành tích đột xuất trong lao động, sản xuất; dũng cảm cứu người, cứu tài sản, gương người tốt việc tốt; đạt thành tích cao tại các hội thi, hội thao, hội diễn.

c) Cá nhân hoàn thành tốt nhiệm vụ, nghĩa vụ công dân; có phẩm chất đạo đức tốt, đoàn kết, gương mẫu chấp hành chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước. Tập thể hoàn thành tốt nhiệm vụ; nội bộ đoàn kết, gương mẫu chấp hành chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

2. Giấy khen tặng cho tập thể, cá nhân ngoài địa phương, đơn vị có nhiều đóng góp cho sự phát triển của địa phương, đơn vị trên các lĩnh vực: chính trị, kinh tế, văn hóa - xã hội hoặc lĩnh vực khác.

3. Giấy khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã tặng cho gia đình gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, có đóng góp về công sức, đất đai và tài sản cho địa phương, xã hội, giá trị đóng góp do địa phương quy định.

Điều 22. Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh

1. Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh tặng cho cá nhân gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; nếu là đảng viên, phải là đảng viên đủ tư cách hoàn thành tốt nhiệm vụ; Thủ trưởng đơn vị thuộc các thành

phần kinh tế hoặc đơn vị sự nghiệp có thu thì đơn vị đó phải hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế, thực hiện tốt chế độ, chính sách đối với người lao động và vệ sinh môi trường; đồng thời, đạt một trong các tiêu chuẩn sau đây:

a) Có thành tích xuất sắc tiêu biểu được bình xét trong phong trào thi đua theo chuyên đề khi sơ kết, tổng kết kết quả thực hiện từ 03 năm trở lên hoặc tổng kết ngành từ 05 năm trở lên; đối tượng được khen thưởng theo chuyên đề phải được xét chọn trong số cá nhân thật sự tiêu biểu, xuất sắc.

b) Có 02 năm liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ (*căn cứ theo đánh giá, phân loại cán bộ, công chức, viên chức hàng năm*), trong thời gian đó có sáng kiến, giải pháp hợp lý nâng cao chất lượng nhiệm vụ được giao, góp phần vào việc hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao của từng cơ quan, đơn vị, địa phương.

c) Cá nhân thuộc các tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, nghề nghiệp tích cực tham gia phong trào thi đua do tỉnh phát động, có thành tích xuất sắc hoặc có công đóng góp lớn cho sự nghiệp phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội của tỉnh.

2. Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh tặng cho công nhân, nông dân, người lao động gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; nếu là đảng viên, phải là đảng viên đủ tư cách hoàn thành tốt nhiệm vụ và đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Lập được nhiều thành tích hoặc thành tích đột xuất trong lao động, sản xuất kinh doanh, công tác, học tập có phạm vi ảnh hưởng trong cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, hợp tác xã, địa bàn cấp xã.

b) Công nhân 02 năm liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, trong thời gian đó có từ 01 sáng kiến trở lên được Hội đồng Sáng kiến cấp cơ sở công nhận, áp dụng mang lại hiệu quả cho đơn vị và có đóng góp trong việc đào tạo, bồi dưỡng, giúp đỡ đồng nghiệp để nâng cao trình độ chuyên môn, tay nghề.

c) Nông dân có mô hình sản xuất hiệu quả và ổn định từ 02 năm trở lên, giúp đỡ nông dân học tập góp phần xóa đói, giảm nghèo và tạo việc làm cho người lao động. Người đứng đầu đoàn thể cấp huyện hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm đánh giá hiệu quả mô hình sản xuất, thành tích của nông dân.

3. Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh tặng cho tập thể gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước (nếu tập thể đó có tổ chức Đảng thì phải đạt “Trong sạch vững mạnh”, tổ chức Công đoàn phải đạt “Công đoàn vững mạnh”); đơn vị thuộc các thành phần kinh tế hoặc đơn vị sự nghiệp có thu thì phải hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế, thực hiện tốt chế độ, chính sách đối với người lao động và vệ sinh môi trường; đồng thời, đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Có thành tích xuất sắc được khối, cụm thi đua do tỉnh tổ chức và các khối, cụm thuộc ngành Giáo dục và Đào tạo, Y tế, Hợp tác xã tổ chức bình xét trong phong trào thi đua hàng năm.

b) Có thành tích xuất sắc tiêu biểu được bình xét trong phong trào thi đua theo chuyên đề khi sơ kết, tổng kết kết quả thực hiện từ 03 năm trở lên; đối tượng được

khen thưởng theo chuyên đề phải được xét chọn trong số trực tiếp thực hiện và có thành tích thật sự tiêu biểu, xuất sắc.

c) Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh tặng cho tập thể được thực hiện theo quy định tại khoản 39 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng ngày 16/11/2013 hoặc tập thể tiêu biểu trong số những tập thể được tặng danh hiệu Tập thể Lao động tiên tiến 05 năm liên tục đến năm đề nghị khen thưởng và trong thời gian đó có 03 lần được tặng giấy khen của Chủ tịch UBND huyện, thành phố, người đứng đầu các cơ quan thuộc khối Đảng, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Hội, đoàn thể tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành và tương đương thuộc tỉnh.

d) Các tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, nghề nghiệp cấp huyện, cấp tỉnh tích cực tham gia phong trào thi đua do tỉnh phát động, có thành tích xuất sắc hoặc có công đóng góp lớn cho sự nghiệp phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội của tỉnh.

4. Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh tặng cho tập thể, cá nhân đạt thành tích cao tại các cuộc thi, bao gồm:

a) Tập thể, cá nhân là những người đang sinh sống, học tập, làm việc trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi, là thành viên chính thức tham gia trong các đội tuyển (đoàn) của tỉnh, Bộ, ngành Trung ương, quốc gia hoặc có công trình, đề tài, sản phẩm cụ thể đóng góp thiết thực cho sự phát triển của tỉnh Quảng Ngãi đạt Giải thưởng Hồ Chí Minh, Giải thưởng Nhà nước; đạt thành tích huy chương Vàng, Bạc, Đồng hoặc giải Nhất, Nhì, Ba và Khuyến khích tại các cuộc thi khu vực quốc gia được Trung ương tổ chức trên phạm vi khu vực hoặc liên khu vực trong nước; cuộc thi quốc gia được tổ chức trên phạm vi toàn quốc; cuộc thi khu vực quốc tế được tổ chức trên phạm vi một khu vực Châu lục hoặc liên Châu lục; cuộc thi quốc tế được tổ chức trên phạm vi toàn thế giới trong lĩnh vực văn hóa - thể thao, giáo dục - đào tạo và thiết bị dạy nghề tự làm, thông tin và truyền thông, khoa học và công nghệ.

b) Tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua lao động sáng tạo, Hội thi sáng tạo khoa học kỹ thuật do Liên đoàn Lao động tỉnh, Liên hiệp các Hội Khoa học - Kỹ thuật tỉnh phát động (không tính các giải do các Liên đoàn, câu lạc bộ, các sở, ban ngành của tỉnh tổ chức).

c) Tập thể, cá nhân đạt giải Nhất hoặc Huy chương vàng do tỉnh tổ chức; đạt thủ khoa kỳ thi Tốt nghiệp trung học phổ thông và kỳ thi quốc gia.

d) Người được các cơ quan có thẩm quyền phân công trực tiếp bồi dưỡng, đào tạo cho các đối tượng quy định tại điểm a, b, c khoản này (kể cả huấn luyện viên trực tiếp đào tạo vận động viên cơ sở trước khi tham gia đội tuyển), đạt giải thưởng, đạt thành tích huy chương Vàng, Bạc, Đồng hoặc giải Nhất, Nhì, Ba và Khuyến khích tại các cuộc thi khu vực quốc gia được Trung ương tổ chức trên phạm vi khu vực hoặc liên khu vực trong nước; cuộc thi quốc gia được tổ chức trên phạm vi toàn quốc; cuộc thi khu vực quốc tế được tổ chức trên phạm vi một khu vực Châu lục hoặc liên châu lục; cuộc thi quốc tế được tổ chức trên phạm vi toàn thế giới.

Các tập thể, cá nhân được quy định tại điểm a, b, c khoản này đã được Trung ương tặng Bằng khen thì Chủ tịch UBND tỉnh không tặng Bằng khen.

5. Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh tặng cho tập thể, cá nhân có thành tích đột xuất xuất sắc trong các lĩnh vực: An ninh, chính trị, trật tự an toàn xã hội; phòng chống cháy, nổ; phòng, chống bão lụt, cứu hộ, cứu nạn, trong một số lĩnh vực khác, có phạm vi ảnh hưởng và tác dụng nêu gương trong toàn tỉnh.

6. Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh tặng cho tập thể, cá nhân thuộc Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Hội Cựu chiến binh, Hội Nông dân, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh huyện, thành phố và xã, phường, thị trấn có thành tích xuất sắc tiêu biểu, phạm vi ảnh hưởng trên địa bàn cấp huyện.

7. Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh tặng cho Thôn văn hóa, Tổ dân phố văn hoá; cơ quan, đơn vị văn hóa, xã văn hóa; phường, thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị; gia đình văn hoá xuất sắc tiêu biểu được thực hiện theo quy định hiện hành của Ủy ban nhân dân tỉnh.

8. Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh tặng cho tập thể, cá nhân là người Việt Nam ở ngoài tỉnh, đang định cư ở nước ngoài, người nước ngoài có công đóng góp cho sự phát triển của tỉnh Quảng Ngãi trên các lĩnh vực: chính trị, kinh tế, văn hóa - xã hội hoặc lĩnh vực khác. Tập thể, cá nhân có nhiều đóng góp trong hoạt động nhân đạo, từ thiện; các doanh nghiệp tích cực tham gia và có nhiều đóng góp cho sự thành công tại các hội chợ, trong các hoạt động xúc tiến thương mại và công tác đối ngoại.

9. Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh tặng cho gia đình gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước có đóng góp về công sức, đất đai và tài sản cho địa phương, xã hội, tùy theo mức độ, tính chất Chủ tịch UBND tỉnh quyết định.

10. Số lượng khen thưởng theo công trạng và thành tích đạt được được xét vào dịp tổng kết năm:

a) Tặng Bằng khen tối đa không quá 40% trong tổng số tập thể đạt tiêu chuẩn theo quy định và 30% đối với cá nhân được thủ trưởng cơ quan, đơn vị, địa phương đạt tiêu chuẩn theo quy định.

b) Tặng Bằng khen cho các tập thể, cá nhân thuộc các cơ quan, đơn vị Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh có thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ được giao và tham gia các phong trào thi đua của tỉnh phát động. Số lượng đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng phải thấp hơn so với số lượng Bằng khen trình ngành dọc cấp trên khen thưởng và không vượt quá 40% trong tổng số tập thể và 30% đối với cá nhân (riêng đối với ngành Giáo dục và Đào tạo không vượt quá 30% đối với tập thể và 15% đối với cá nhân) đạt tiêu chuẩn theo quy định.

Điều 23. Tiêu chuẩn xét đề nghị tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Huân chương, Huy chương, danh hiệu vinh dự Nhà nước, giải thưởng Nhà nước, giải thưởng Hồ Chí Minh, Kỷ niệm chương

Tiêu chuẩn xét đề nghị tặng thưởng Kỷ niệm chương của các Bộ, ngành Trung ương; Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ; Huân chương, Huy chương, danh hiệu vinh dự Nhà nước, giải thưởng Nhà nước, giải thưởng Hồ Chí Minh, thực hiện theo quy định của Luật Thi đua, Khen thưởng ngày 26/11/2003, Luật sửa đổi, bổ sung một

số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng ngày 14/6/2005 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng ngày 16/11/2013; Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ; Nghị định số 39/2012/NĐ-CP ngày 27/4/2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 42/2010/NĐ-CP của Chính phủ (*sau đây gọi tắt là Nghị định số 39/2012/NĐ-CP ngày 27/4/2012 của Chính phủ*); Nghị định số 65/2014/NĐ-CP ngày 01/7/2014 của Chính phủ và Thông tư số 07/2014/TT-BNV ngày 29/8/2014 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

Chương IV

THẨM QUYỀN QUYẾT ĐỊNH, THỜI GIAN ĐỀ NGHỊ, HỒ SƠ THỦ TỤC KHEN THƯỞNG, TRAO THƯỞNG

Điều 24. Thẩm quyền xét duyệt, quyết định khen thưởng và đề nghị khen thưởng

1. Ban Thường vụ Tỉnh ủy: Xem xét, cho ý kiến trước khi trình Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch nước về đề nghị phong tặng danh hiệu Anh hùng, Huân chương Sao vàng và Huân chương Hồ Chí Minh cho tổ chức và cá nhân theo Luật Thi đua, Khen thưởng.

2. Thường trực Tỉnh ủy: Cho ý kiến trước khi trình Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch nước về đề nghị tặng thưởng danh hiệu Chiến sĩ thi đua toàn quốc, các loại Huân chương, Huy chương, các danh hiệu vinh dự Nhà nước, (trừ các danh hiệu và các loại Huân chương do Ban Thường vụ Tỉnh ủy cho ý kiến).

3. Chủ tịch UBND tỉnh: Quyết định tặng thưởng Cờ thi đua của UBND tỉnh; danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh; Tập thể Lao động xuất sắc; Đơn vị quyết thắng (thuộc thẩm quyền); Bằng khen. Đề nghị Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch nước tặng thưởng danh hiệu thi đua, danh hiệu vinh dự Nhà nước, các hình thức khen thưởng của Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch nước quyết định khen thưởng. Ủy quyền cho Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh xem xét hiệp y (Cờ thi đua, Bằng khen) khi có văn bản đề nghị của Bộ, ngành, đoàn thể Trung ương.

4. Sở Nội vụ (Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh) thẩm tra hồ sơ trình Ủy ban nhân dân tỉnh các danh hiệu thi đua, danh hiệu vinh dự Nhà nước và hình thức khen thưởng theo quy định. Khi cần thiết phải lấy ý kiến hoặc hiệp y của các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan.

5. Hội đồng Khoa học, sáng kiến tỉnh xem xét, công nhận thành tích, sáng kiến, giải pháp công tác, đề tài nghiên cứu của các tập thể, cá nhân đề nghị tặng thưởng danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh, đề nghị danh hiệu Chiến sĩ thi đua toàn quốc. Cơ quan thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh (Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh thuộc Sở Nội vụ) lập thủ tục, hồ sơ đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh xem xét quyết định công nhận danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh.

6. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh và đơn vị tương đương quyết định công nhận giải pháp công tác, sáng kiến kinh nghiệm...; tặng Giấy khen, công nhận

danh hiệu Lao động tiên tiến, Tập thể Lao động tiên tiến, Chiến sỹ thi đua cơ sở và đề nghị cấp trên khen thưởng Tập thể Lao động xuất sắc, Bằng khen, Chiến sỹ thi đua cấp tỉnh trở lên.

7. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố quyết định công nhận giải pháp công tác, sáng kiến kinh nghiệm...; tặng Giấy khen; công nhận danh hiệu Lao động tiên tiến, Chiến sỹ tiên tiến, Chiến sỹ thi đua cơ sở, Tập thể Lao động tiên tiến; thôn, tổ dân phố văn hoá và đề nghị cấp trên tặng danh hiệu Tập thể Lao động xuất sắc, Bằng khen, Chiến sỹ thi đua cấp tỉnh trở lên.

8. Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn quyết định tặng Giấy khen, công nhận danh hiệu Lao động tiên tiến, Gia đình văn hoá, đề nghị cấp trên công nhận Tập thể Lao động tiên tiến cho Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn; đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện xét tặng danh hiệu Chiến sỹ thi đua cơ sở và khen thưởng theo quy định.

9. Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc, Giám đốc các doanh nghiệp, Hợp tác xã quyết định công nhận giải pháp công tác, sáng kiến kinh nghiệm...; tặng Giấy khen, công nhận danh hiệu Tập thể Lao động tiên tiến, Lao động tiên tiến, Chiến sỹ thi đua cơ sở và đề nghị cấp trên khen thưởng Tập thể Lao động xuất sắc, Bằng khen, Chiến sỹ thi đua cấp tỉnh trở lên.

10. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương chịu trách nhiệm thẩm tra, xét duyệt hồ sơ khen thưởng thuộc thẩm quyền trước khi Thủ trưởng, người đứng đầu cơ quan, đơn vị quyết định khen thưởng và trình cấp trên khen thưởng.

11. Các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng khác thực hiện theo hướng dẫn của Bộ, ban, ngành, đoàn thể Trung ương.

Điều 25. Quy định về tuyển trình

1. Tuyển trình khen thưởng thực hiện theo Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ; Nghị định số 39/2012/NĐ-CP ngày 27/4/2012 của Chính phủ; Nghị định số 65/2014/NĐ-CP ngày 01/7/2014 của Chính phủ và Thông tư số 07/2014/TT-BNV ngày 29/8/2014 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

2. Tập thể, cá nhân chuyên trách công tác Đảng, đoàn thể thuộc tỉnh có đủ tiêu chuẩn khen thưởng theo quy định thì cơ quan Đảng, Mặt trận, Hội, đoàn thể trực tiếp quản lý xét khen thưởng và đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh khen thưởng hoặc trình Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch nước khen thưởng. Tập thể, cá nhân chuyên trách công tác Đảng, đoàn thể thuộc huyện, thành phố có đủ tiêu chuẩn khen thưởng theo quy định thì cơ quan Đảng, đoàn thể trực tiếp quản lý xét đề nghị Chủ tịch UBND huyện, thành phố khen thưởng hoặc trình Chủ tịch UBND tỉnh quyết định khen thưởng hoặc đề nghị Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch nước khen thưởng.

3. Liên đoàn Lao động huyện, thành phố; Công đoàn ngành cấp tỉnh, Công đoàn viên chức tỉnh; Công đoàn Khu Kinh tế, Khu công nghiệp; Công đoàn Tổng Công ty và tương đương; Công đoàn cơ sở và cán bộ công đoàn chuyên trách hưởng

lương từ ngân sách công đoàn thuộc đơn vị nêu trên đề nghị tặng danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng do Liên đoàn Lao động tỉnh xét khen thưởng, đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh xét tặng danh hiệu Tập thể lao động xuất sắc, tặng Bằng khen, Chiến sỹ thi đua cấp tỉnh và đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh xem xét trình cấp trên khen thưởng.

4. Đối với đơn vị kinh tế ngoài quốc doanh, công ty cổ phần, Công ty TNHH, Công ty liên doanh...tuyển trình được thực hiện như sau:

a) Các Công ty do UBND tỉnh quyết định thành lập (cổ phần, doanh nghiệp...), là thành viên khối, cụm thi đua, khen thưởng của tỉnh; các doanh nghiệp thuộc tỉnh và Bộ, ngành Trung ương quản lý đóng trên địa bàn tỉnh do Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Giám đốc Công ty trực tiếp trình Chủ tịch UBND tỉnh khen thưởng. Các doanh nghiệp khác thuộc ngành, lĩnh vực nào thì trên cơ sở đề nghị của người đứng đầu doanh nghiệp đó, Thủ trưởng các sở, ngành quản lý lĩnh vực đó trình Chủ tịch UBND tỉnh khen thưởng.

b) Các doanh nghiệp không thuộc khối thi đua của tỉnh, không thuộc quản lý ngành, lĩnh vực của các sở, ngành mà đóng tại địa phương (huyện, thành phố) nào thì địa phương đó trình Chủ tịch UBND tỉnh khen thưởng trên cơ sở đề nghị của doanh nghiệp (trừ các đơn vị là thành viên của tập đoàn kinh tế hoặc thành viên của tổng công ty nhà nước).

5. Đối với tập thể, cá nhân doanh nghiệp thuộc Khu Kinh tế, Khu công nghiệp do Trưởng Ban Quản lý Khu Kinh tế, Trưởng Ban Quản lý Khu công nghiệp xét khen thưởng; trên cơ sở đề nghị của Trưởng Ban Quản lý Khu Kinh tế, Trưởng Ban Quản lý Khu công nghiệp, Chủ tịch UBND tỉnh khen thưởng và trình Thủ tướng Chính phủ xét, quyết định khen thưởng hoặc trình Chủ tịch nước khen thưởng (trừ các doanh nghiệp thuộc Tổng Công ty, Tập đoàn Kinh tế do Trung ương quản lý).

6. Trường hợp khen thưởng đột xuất gương hành động dũng cảm, cứu người, cứu tài sản, truy bắt tội phạm, trong phạm vi quản lý của cơ quan, đơn vị, địa phương nào thì cơ quan, đơn vị, địa phương đó có trách nhiệm khen thưởng và đề nghị cấp trên khen thưởng (không phân biệt người đó trong hay ngoài cơ quan, đơn vị, địa phương).

7. Việc lấy ý kiến hiệp ý đề nghị khen thưởng của các sở, ban, ngành, các Ban Đảng Tỉnh ủy, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các Hội, đoàn thể tỉnh đối với các trường hợp khen thưởng các phòng, ban và cấp trưởng phòng, ban, hội, đoàn thể của huyện, thành phố và các cơ quan khác có liên quan khi cần thiết do Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh thực hiện. Khi có văn bản gửi để lấy ý kiến hiệp ý, sau 05 ngày làm việc (tính theo dấu Bưu điện hoặc ký nhận công văn) các cơ quan, đơn vị liên quan có trách nhiệm trả lời, trường hợp không có ý kiến trả lời thì coi như thống nhất và Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh xử lý trình cấp thẩm quyền, đồng thời có trách nhiệm trả lời cho đơn vị đề nghị khen thưởng.

Điều 26. Thời gian trình và xử lý hồ sơ khen thưởng

1. Hồ sơ đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng hàng năm gửi Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh) kết thúc trước ngày 10 tháng 3

năm sau; khen thưởng theo năm học của ngành Giáo dục và Đào tạo trước ngày 30 tháng 7 hàng năm. Các trường hợp khen thưởng tổng kết các chương trình mục tiêu (khen thưởng chuyên đề) gửi hồ sơ trước ngày trao thưởng ít nhất 07 ngày làm việc, trường hợp khen thưởng đột xuất trước 04 ngày làm việc (trừ trường hợp đặc biệt theo ý kiến của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh). Riêng hồ sơ đề nghị tặng danh hiệu Chiến sỹ thi đua cấp tỉnh gửi trước ngày 15 tháng 02 hàng năm.

2. Hồ sơ đề nghị Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch nước khen thưởng hàng năm gửi Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh) trước ngày 10 tháng 02 năm sau; khen thưởng công tác đền ơn đáp nghĩa, khen thưởng Huân chương Đại đoàn kết dân tộc trước ngày 15 tháng 6; khen thưởng theo năm học của ngành Giáo dục và Đào tạo gửi trước ngày 20 tháng 8 hàng năm.

3. Sở Nội vụ (Ban Thi đua – Khen thưởng tỉnh) có trách nhiệm xử lý hồ sơ đề nghị khen thưởng trình Chủ tịch UBND tỉnh khen thưởng trong phạm vi không quá 05 ngày làm việc; trường hợp có ý kiến hiệp y của cơ quan liên quan thì không quá 10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. Trường hợp hồ sơ không hợp lệ phải thông báo, trả lại cho đơn vị trình khen thưởng trước 03 ngày.

Điều 27. Hồ sơ thủ tục đề nghị khen thưởng

Hồ sơ, thủ tục đề nghị khen thưởng trình Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện theo quy định tại Nghị định số 39/2012/NĐ-CP ngày 27/4/2012 của Chính phủ, gồm có:

1. Tờ trình của cơ quan, đơn vị, địa phương

a) Các trường hợp đề nghị tặng Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh, danh hiệu Tập thể Lao động xuất sắc, Bằng khen Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tổng hợp và đề nghị cùng một Tờ trình, số lượng 01 bản.

b) Các trường hợp đề nghị tặng Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh, Bằng khen Chủ tịch UBND tỉnh về thành tích thi đua của Khối, Cụm thi đua của tỉnh tổng hợp và đề nghị cùng một Tờ trình, số lượng 01 bản.

c) Các trường hợp đề nghị tặng danh hiệu Chiến sỹ thi đua cấp tỉnh đề nghị một Tờ trình, số lượng 01 bản. Các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng cấp Nhà nước tổng hợp và đề nghị cùng một Tờ trình, số lượng 03 bản.

2. Biên bản họp Hội đồng Thi đua - Khen thưởng hoặc Biên bản họp xét của Khối, Cụm thi đua kèm theo Tờ trình.

Nội dung biên bản phải thể hiện rõ kết quả bỏ phiếu kín; tỷ lệ phiếu đồng ý đề nghị khen thưởng tính trên tổng số thành viên Hội đồng hoặc thành viên Khối, Cụm thi đua; nếu thành viên Hội đồng đồng ý hoặc thành viên Khối, Cụm thi đua vắng mặt thì phải lấy ý kiến bằng phiếu bầu để tổng hợp; tỷ lệ phiếu bầu thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 19 Thông tư số 07/2014/TT-BNV ngày 29/8/2014 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ. Ngoài ra, các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng khác phải có số phiếu đồng ý đề nghị khen thưởng của các thành viên Hội đồng từ 70% trở lên.

3. Báo cáo thành tích của tập thể, cá nhân đề nghị khen thưởng (*thực hiện theo mẫu quy định tại Nghị định số 39/2012/NĐ-CP ngày 27/4/2012 của Chính phủ*), số lượng cụ thể như sau:

a) Anh hùng lực lượng vũ trang, Anh hùng lao động: Báo cáo thành tích gồm 03 bản chính, có xác nhận thành tích của cấp trình.

b) Danh hiệu “Nhà giáo, Thầy thuốc, Nghệ sỹ, Nghệ nhân”, “Giải thưởng Hồ Chí Minh” và “Giải thưởng nhà nước”: Bản khai thành tích gồm 03 bản chính, có xác nhận thành tích của cấp trình (*bản khai thành tích thực hiện theo quy định của Chính phủ và Bộ, ngành Trung ương*).

c) Huân chương các loại, Chiến sỹ thi đua toàn quốc: Báo cáo thành tích gồm 03 bản chính, có xác nhận thành tích của cấp trình khen.

d) Bằng khen Thủ tướng Chính phủ, Cờ thi đua Chính phủ: Báo cáo thành tích gồm 03 bản chính, có xác nhận thành tích của cấp trình.

đ) Chiến sỹ thi đua cấp tỉnh: Báo cáo thành tích, giải pháp công tác, sáng kiến kinh nghiệm... gồm 01 bản (bản chính), có xác nhận của cấp trình.

e) Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh, Tập thể Lao động xuất sắc, Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh: Báo cáo thành tích gồm 01 bản chính, có xác nhận của cấp trình.

g) Đối với những đơn vị có nghĩa vụ nộp ngân sách nhà nước, khi trình các hình thức khen thưởng: Cờ thi đua, Bằng khen, Chiến sỹ thi đua cấp tỉnh, Tập thể Lao động xuất sắc và các hình thức khen thưởng cấp Nhà nước cho tập thể hoặc cá nhân là thủ trưởng đơn vị, trong báo cáo thành tích phải kê khai rõ số tiền thuế, bảo hiểm xã hội và các khoản thu khác thực tế đã nộp trong năm so với đăng ký; tỷ lệ % về số nộp ngân sách nhà nước so với năm trước; nộp đủ, đúng các loại thuế, các khoản thu khác theo quy định của pháp luật và nộp đúng thời hạn. Việc thẩm định mức độ hoàn thành nghĩa vụ nộp ngân sách nhà nước do cơ quan quản lý thuế, bảo hiểm xã hội có thẩm quyền và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính trung thực đối với kết quả thẩm định.

Các trường hợp quy định tại điểm a, b, c, d, đ và e khoản này, đồng thời với việc gửi báo cáo thành tích bằng văn bản phải gửi email về Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh theo địa chỉ btdkt@quangngai.gov.vn để tổng hợp.

4. Hồ sơ, thủ tục đơn giản:

a) Các trường hợp xét khen thưởng thủ tục đơn giản áp dụng trong các trường hợp khen thưởng đối ngoại, đột xuất, khen thưởng phục vụ yêu cầu chính trị (theo chỉ đạo của lãnh đạo tỉnh); khen thưởng tập thể, cá nhân có thành tích tiêu biểu xuất sắc đột xuất trong lao động, sản xuất, học tập, công tác.

b) Hồ sơ thủ tục gồm: Tờ trình, báo cáo tóm tắt thành tích do cơ quan, đơn vị, địa phương quản lý trực tiếp thực hiện và chịu trách nhiệm về nội dung, thành tích trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp trên. Hồ sơ đề nghị khen thưởng của mỗi hình

thức khen thưởng đảm bảo nội dung theo tiêu chuẩn, số lượng và thể thức văn bản quy định.

5. Đơn vị đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh khen chuyên đề phải lấy ý kiến của cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan đối với tập thể, cá nhân được đề nghị khen thưởng theo quy định.

Điều 28. Tổ chức trao tặng và đón nhận danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng

1. Nghi thức tổ chức lễ trao tặng và đón nhận, thực hiện theo quy định tại Nghị định số 145/2013/NĐ-CP ngày 29/10/2013 của Chính phủ quy định về tổ chức ngày kỷ niệm; nghi thức trao tặng, đón nhận hình thức khen thưởng, danh hiệu thi đua; nghi lễ đối ngoại và đón, tiếp khách nước ngoài; đảm bảo yêu cầu trang trọng, thiết thực, tiết kiệm, tạo sự phấn khởi, lòng tự hào, khí thế mới để tiếp tục thi đua lập thành tích cao hơn.

2. Mỗi trường hợp được khen thưởng được tổ chức lễ trao tặng và đón nhận một lần. Nếu có nhiều trường hợp gồm tập thể, cá nhân được tặng thưởng trong cùng một khoảng thời gian thì tổ chức trao tặng và đón nhận tập thể trước sau đó đến cá nhân chung một buổi lễ; nếu trong khoảng thời gian đó có ngày kỷ niệm của cơ quan, đơn vị, địa phương; ngày lễ lớn của đất nước hoặc nhân dịp tổ chức sơ kết, tổng kết, phát động phong trào thi đua thì kết hợp tổ chức trao tặng.

Điều 29. Lưu trữ hồ sơ khen thưởng

Công tác lưu trữ hồ sơ khen thưởng, chế độ bảo quản hồ sơ thực hiện theo quy định của pháp luật về lưu trữ thực hiện theo quy định tại Điều 23 Thông tư số 07/2014/TT-BNV ngày 29/8/2014 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

Chương V

QUỸ THI ĐUA KHEN THƯỞNG, MỨC THƯỞNG VÀ QUẢN LÝ SỬ DỤNG QUỸ THI ĐUA KHEN THƯỞNG

Điều 30. Quỹ Thi đua, Khen thưởng

Quỹ thi đua, khen thưởng của tỉnh, cấp huyện, cấp xã, cơ quan, đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp thực hiện theo Chương V Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2011 của Chính phủ; Điều 24 Thông tư số 07/2014/TT-BNV ngày 29/8/2014 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ và Thông tư số 71/2011/TT-BTC ngày 24/5/2011 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc trích lập, quản lý và sử dụng Quỹ thi đua, khen thưởng.

Điều 31. Sử dụng và quản lý Quỹ Thi đua, Khen thưởng

1. Nội dung chi tổ chức thực hiện công tác thi đua, khen thưởng:

a) Chi tiền thưởng hoặc tặng phẩm lưu niệm theo các quyết định khen thưởng.

b) Chi nghiệp vụ gồm: In ấn phôi Giấy chứng nhận, Công nhận, Giấy khen, Bằng khen, Kỷ niệm chương, Huy hiệu, Cờ thi đua; làm hồ sơ khen thưởng; khung

Giấy khen, Bằng khen, giấy ép plastic, máy ép plastic, mực in chuyên dụng; làm hiện vật khen thưởng...

c) Chi công tác tổ chức, chỉ đạo các phong trào thi đua: Mức trích chi cho công tác tổ chức, chỉ đạo không quá 20% trong tổng Quỹ thi đua, khen thưởng của từng cấp để chi cho nhiệm vụ sau:

- Chi tổ chức các cuộc họp của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng; Hội đồng Khoa học, sáng kiến; Hội đồng Sáng kiến; Hội đồng xét duyệt Doanh nghiệp, Doanh nhân tiêu biểu; Hội đồng xét duyệt danh hiệu thi đua, danh hiệu vinh dự Nhà nước, Giải thưởng Hồ Chí Minh, Giải thưởng nhà nước.

- Chi tổ chức, chỉ đạo các phong trào thi đua, hội nghị ký kết giao ước thi đua; hội nghị sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm, tuyên truyền, biểu dương, nhân rộng các gương điển hình tiên tiến, chi tập huấn nghiệp vụ công tác thi đua, khen thưởng.

- Chi cho cán bộ đi kiểm tra để thực hiện việc chỉ đạo, kiểm tra, giám sát công tác thi đua, khen thưởng.

- Một số khoản chi khác phục vụ trực tiếp cho công tác tổ chức, chỉ đạo phong trào thi đua; các hoạt động thi đua, khen thưởng cụm, khối.

2. Mức chi: Thực hiện theo quy định tài chính hiện hành.

3. Quản lý Quỹ Thi đua, khen thưởng

a) Quỹ Thi đua, khen thưởng của tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền cho Sở Nội vụ và được Giám đốc Sở Nội vụ giao cho Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh quản lý trực tiếp; Quỹ thi đua, khen thưởng của huyện, thành phố được Ủy ban nhân dân huyện, thành phố ủy quyền và giao cho Phòng Nội vụ (huyện Lý Sơn: Phòng Nội vụ - Lao động - Thương binh và Xã hội) quản lý; Quỹ thi đua, khen thưởng của các cơ quan, đơn vị, địa phương do Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, địa phương quản lý; Quỹ thi đua, khen thưởng của cấp xã do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý; nguồn trích, tỷ lệ và mức trích trên cơ sở dự toán kế hoạch chi trong năm. Việc quyết toán căn cứ số chi thực tế theo đúng đối tượng và mức thưởng quy định. Quỹ Thi đua, khen thưởng cuối năm còn dư được chuyển sang năm sau để tiếp tục sử dụng cho công tác thi đua, khen thưởng.

b) Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, địa phương theo thẩm quyền quyết định khen thưởng thì tiền thưởng được chi theo quy định từ Quỹ thi đua, khen thưởng của cơ quan, đơn vị, địa phương cấp mình quản lý.

c) Tiền thưởng kèm theo các quyết định khen thưởng của Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ; quyết định khen thưởng danh hiệu Cờ thi đua, Tập thể Lao động xuất sắc, Đơn vị quyết thắng, Chiến sỹ thi đua, Bằng khen hàng năm, chuyên đề và đột xuất của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, tiền thưởng được chi theo quy định từ Quỹ thi đua, khen thưởng của tỉnh.

d) Khen thưởng các chương trình mục tiêu, tiền thưởng được trích từ nguồn kinh phí hoạt động của chương trình mục tiêu đó, trường hợp nguồn kinh phí chương

trình mục tiêu không được trích thưởng thì mới chi thưởng từ Quỹ thi đua, khen thưởng.

Điều 32. Tiền thưởng các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng

1. Mức tiền thưởng kèm theo các danh hiệu thi đua, các hình thức khen thưởng thực hiện theo quy định tại các Điều 70, 71, 72, 73, 74, 75, 76, Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ.

Tiền thưởng sau khi nhân với hệ số mức lương cơ sở được làm tròn lên hàng chục ngàn đồng tiền Việt Nam.

Tùy một số trường hợp cụ thể, Chủ tịch UBND tỉnh xem xét không trao tiền khen thưởng kèm theo Bằng khen.

2. Tiền thưởng kèm theo Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh cho đơn vị đạt thành tích trong hoạt động Khối, Cụm thi đua của tỉnh hàng năm được thưởng 7 lần mức lương cơ sở (hoặc hiện vật kỷ niệm có giá trị tương đương); Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh tặng thưởng đột xuất trong lao động sản xuất, công tác, học tập, chiến đấu, phục vụ chiến đấu, gương người tốt, việc tốt,... cho các tập thể, cá nhân tùy theo thành tích đạt được và phạm vi tác dụng nêu gương, học tập quy định mức thưởng đối với cá nhân không quá 10 (mười) lần mức lương cơ sở, tập thể không quá 20 (hai mươi) lần mức lương cơ sở. Trường hợp đặc biệt, mức thưởng tối đa bằng 30 (ba mươi) lần mức lương cơ sở và do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

3. Tiền thưởng kèm theo Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh khen thưởng cho tập thể, cá nhân thuộc tỉnh Quảng Ngãi đạt Giải thưởng Hồ Chí Minh, Giải thưởng Nhà nước, thành tích cao tại các cuộc thi khu vực quốc gia, quốc gia, khu vực quốc tế, quốc tế thực hiện theo quy định hiện hành của UBND tỉnh.

Trường hợp đặc biệt, thủ trưởng cơ quan, đơn vị, địa phương quyết định mức thưởng trong khả năng quỹ thi đua, khen thưởng của cơ quan, đơn vị, địa phương nhưng không quá 10 triệu đồng.

Chương VI ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 33. Quyền lợi và nghĩa vụ của cá nhân, tập thể trong thi đua, khen thưởng

Quyền lợi và nghĩa vụ của tập thể, cá nhân tham gia phong trào thi đua, thực hiện công tác khen thưởng và các tập thể, cá nhân gian dối trong tổ chức thực hiện công tác thi đua, khen thưởng; cố tình che giấu hành vi vi phạm chủ trương đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; kê khai, xác nhận sai thành tích để được khen thưởng; trường hợp khiếu nại, tố cáo, giải quyết khiếu nại, tố cáo; xây dựng hồ sơ tước hoặc phục hồi danh hiệu được thực hiện theo quy định tại các Điều 78, 79, 80, 81, 82, 83, 84 Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ và quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 34. Điều khoản thi hành

1. Ngoài các Quy định tại Quy chế này, các cơ quan, đơn vị, địa phương nghiên cứu thực hiện theo Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ; Nghị định số 39/2012/NĐ-CP ngày 27/4/2012 của Chính phủ; Nghị định số 65/2014/NĐ-CP ngày 01/7/2014 của Chính phủ và Thông tư số 07/2014/TT-BNV ngày 29/8/2014 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

2. Căn cứ các quy định tại Quy chế này, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương và các cơ quan, đơn vị, cá nhân liên quan có trách nhiệm chỉ đạo, phổ biến, tổ chức thực hiện Quy chế này trong cơ quan, đơn vị, địa phương thuộc quyền quản lý và các tầng lớp nhân dân trong tỉnh; đồng thời, ban hành quy chế thi đua, khen thưởng của cấp mình để thực hiện.

3. Ngoài các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng được quy định trong Quy chế này, các cơ quan, đơn vị, địa phương có thể có các hình thức động viên khác nhưng không trái với quy định của pháp luật hiện hành về thi đua, khen thưởng.

4. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh chỉ đạo và kiểm tra, giám sát việc thực hiện Quy chế. Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh có trách nhiệm giúp UBND tỉnh kiểm tra, hướng dẫn, đôn đốc các cấp, các ngành thực hiện Quy chế này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
Lê Viết Chử